

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 tháng 9 năm 2022

V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh

- Các hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Minh
 - Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2022, giữa các đương sự:

- N đơn: Bà Phạm Thị Mỹ D, sinh năm: 1973; địa chỉ: thôn Tân Xương 2, xã Suối Cát, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

- Bị đơn: Ông Phan L, sinh năm: 1970; địa chỉ: thôn Tân Xương 2, xã Suối Cát, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, N đơn bà Phạm Thị Mỹ D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà D và ông Phan L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Cát, huyện Diên Khánh (nay là huyện C), tỉnh Khánh Hòa được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số I/1990 ngày 01/11/1990. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021. N nhân hai bên bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp. Ông L không còn chia sẻ, trao đổi với vợ về vấn đề kinh tế trong gia đình, mà tự quyết định, dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây sự, cãi vã. Bà D và ông L tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Bà D không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà D và ông L có ba con chung là Phan Thị T sinh ngày 02/01/1991, Phan Thị T N sinh ngày 20/8/1994 và Phan Anh K sinh ngày 24/10/1996. Các con đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phan L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L thống nhất lời trình bày của bà D về thời gian, địa điểm kết hôn. Đời sống hôn nhân của vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2021 do bất đồng quan điểm sống, xảy ra kinh cãi nhưng do bà D kiểm soát chuyện về tiền bạc trong gia đình. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Hai bên vẫn sống chung nhà nhưng không nói chuyện với nhau, tâm trạng luôn cảm thấy nặng nề. Nay bà D ly hôn, ông L không đồng ý vì muốn gia đình hàn gắn, hơn nữa vợ chồng phải tự thỏa thuận về tài sản chung rồi mới ly hôn.

- Về con chung: Bà D và ông L có ba con chung Phan Thị T sinh ngày 02/01/1991, Phan Thị T N sinh ngày 20/8/1994 và Phan Anh K sinh ngày 24/10/1996. Các con đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn, bà D được ly hôn ông L; về con chung, đã thành niên nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung, bà D và ông L không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Phạm Thị Mỹ D và ông Phan L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà D và ông L tự nguyện kết hôn với nhau năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã Suối Cát, huyện Diên Khánh (nay là huyện C), tỉnh Khánh Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số I/1990 ngày 01/11/1990; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà D và ông L phát sinh mâu thuẫn, N nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không chia sẻ và tôn trọng nhau dẫn đến kinh cãi. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Hiện nay, bà D và ông L tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Bà D xác định không còn tình cảm với ông L nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông L cho rằng muốn vợ chồng tự hòa giải với nhau nhưng không có giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của N đơn, bà D được ly hôn với ông L.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà D và ông L có ba con chung là Phan Thị T sinh ngày 02/01/1991, Phan Thị T N sinh ngày 20/8/1994 và Phan Anh K sinh ngày 24/10/1996. Hai bên xác định các cháu đã thành niên và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của N đơn, bà Phạm Thị Mỹ D được ly hôn với ông Phan L.

2. Về tài sản chung và nợ chung: bà Phạm Thị Mỹ D và ông Phan L được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Về án phí: bà Phạm Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009237 ngày 14/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

4. N đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Suối Cát;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mỹ Hạnh

